TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 06/2025/KDTM-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Ông Nguyễn Trí Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Tư– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 71/2024/TLST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-KDTM 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: E T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Ngọc S- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Yến O, (theo giấy ủy quyền ngày 26/02/2025) (có mặt)

2/ Bị đơn: Công ty TNHH J. (vắng mặt)

Địa chỉ: X, Lô S đường số E, KCN T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Jang Myung H- Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H1 (theo giấy ủy

quyền ngày 14/12/2024) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T do bà Nguyễn Thị Yến O trình bày như sau:

Căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa số: 10/2023/HD-CRL.JUNO ký ngày 14/07/2023 và kèm phụ lục số: 01 giữa Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T và Công ty TNHH J (viết tắ là Công ty J1). Công ty T đã thực hiện làm thủ tục hải quan và vận chuyển nội địa cho Công ty J1 từ ngày 14/07/2023 đến 30/04/2024. Căn cứ vào khoản 4 điều 2 của hợp đồng Công ty J1 đã vi phạm trong việc thanh toán tiền dịch vụ và xin thanh toán chậm do tình hình công ty mẹ tại Hàn Quốc chuyển tiền về chậm. Công ty T đã hỗ trợ và tiếp tục làm cho Công ty TNHH J. Sau nhiều lần Công ty TNHH J hứa hẹn thanh toán nhưng vẫn không thanh toán đúng hạn, Công ty T đã yêu cầu cung cấp công văn gia hạn công nợ và ký biên bản xác nhận công nợ nhưng không nhận được biên bản ký xác nhận công nợ cũng như công văn gia hạn. Công ty T đã gửi thông báo tạm ngưng dịch vụ từ ngày 25/04/2024.

Vào ngày 25/04/2024 Công ty TNHH J hứa sẽ thanh toán cho Công ty T khi bàn giao chứng từ Cites các lô hàng. Sau khi bàn giao Công ty J1 đã thanh toán 50.000.000đ

Sau đó, Công ty T nhiều lần liên hệ yêu cầu ký xác nhận biên bản đối chiếu công nợ, các biên bản thanh lý hợp đồng và yêu cầu thanh toán. Công ty J1 vẫn không ký biên bản nhưng có thanh toán thêm 20.000.000đ vào ngày 11/05/2024 và 10.000.000đ vào ngày 23/05/2024. Cho đến đầu tháng 06/2024 đã nhiều lần liên hệ cho Công ty J1 nhưng không liên lạc được và thông qua nhân viên của Công ty J1 được biết Công ty không còn hoạt động.

Ngày 05/06/2024, Công ty T đã đến địa chỉ trụ sở Công ty TNHH J tại xưởng số 12, Lô S Đường số E, Khu công nghiệp T, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Long An, Việt Nam để khảo sát tình hình hoạt động thực tế của công ty. Tại thời điểm này, công ty J đã đống của, không còn hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn nhân viên hoặc cán bộ nào thuộc ban giám đốc quản lý của Công ty J ở đó, chỉ còn 1 bảo vệ của công ty dịch vụ trông giữ tài sản còn lại và một vài công nhân từng làm việc cho Công ty J cũng lên thăm dò tình hình vì họ cũng bị Công ty J nợ lương.

Tính đến hết ngày 30/06/2024 Công ty J đã nợ Công ty TNHH T số tiền: 151.740.333VND (bằng chữ: Một trăm năm mươi mốt triệu hay trăm bốn mươi ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), lãi chậm thanh toán 0.08%/ngày số tiền căn cứ theo khoản 4 điều 2 của hợp đồng số tiền: 11,447,462 đồng . Tổng số tiền Công ty J phải trả cho Công ty TNHH T là 163,187,795 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH J do bà Nguyễn Thị Thu H1 đại diện trình bày tại biên bản về kiểm tra việc giao nọp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

không thành ngày 07/3/2023 trình bày: Bị đơn đã được tiếp cận , công khai các tài liệu chứng cứ, thống nhất và không bổ sung gì thêm. Bị đơn chưa đối chiếu hồ sơ chứng từ, chưa có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T do bà Nguyễn Thị Yến O trình bày: Công ty T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty J1 trả lãi chậm thanh toán 0,08%/ngày (theo sự thỏa thuận của 02 bên) tuy nhiên mức lãi suất này cao hơn quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự nên Công ty T thay đổi thành 0,05%/ngày, tương đương 18,25%/năm với số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/4/2025 là 31.639.280 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH J phải thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền là 183.379.621đ, trong đó nợ gốc là 151.740.333đ tiền và lãi chậm trả là 31.639.288đ. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Theo bảng xác nhận công nợ ngày 31/12/2023 và các ngày 24/5/2024 và 01/6/2024 thể hiện Công ty TNHH J còn nợ Công ty T số tiền còn nợ gốc là 151.740.333đ. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH J phải thanh toán số tiền 151.740.333đ còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005. Đối với yêu cầu nợ chậm thanh toán, 02 bên công ty thỏa thuận lãi chậm thanh toán là 0,08%/ngày tương đương 29,5%/năm, tuy nhiên tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là 0,05%/ngày với tổng số tiền lãi chậm thanh toán 31.639.288 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH J phải thanh toán số tiền 151.740.333đ còn nợ và lãi chậm thanh toán theo hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa giữa hai công ty, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa" theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Công ty TNHH J có địa chỉ trụ sở tại huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty TNHH J đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH J đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định pháp luật nhưng không có lời trình bày và các tài liệu chứng cứ giao nộp thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T buộc bị đơn Công ty J1 phải thanh toán số tiền 151.740.333đ còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa số 10/2023/HĐ-CRL.JUNO ngày 14/7/2023 và Bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2022, ngày 25/4/2024, ngày 01/6/2024 (có kèm theo chi tiết công nợ) giữa hai công ty. Bị đơn biết được yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối.

Xét Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa số 10/2023/HĐ-CRL.JUNO ngày 14/7/2023 được ký kết giữa 02 bên thì nguyên đơn có ký hợp đồng kinh tế với bị đơn về việc nguyên đơn sẽ thực hiện làm thủ tục hải quan và vận chuyển nội địa cho bị đơn từ ngày 14/7/2023 đến ngày 30/4/2024. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 01/6/2024 kèm theo tổng hợp chi tiết công nợ phải thu khách hàng tính ngày 01/6/2024 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 151.740.333đ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 151.740.333đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn: Công ty T yêu cầu Công ty J1 trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán, tạm tính đến ngày 21/4/2025 là 31.639.288đ, với mức lãi chậm trả là 0,05%/ngày trên từng hóa đơn chứng từ cần phải thanh toán (kèm theo bản đối chiếu lãi chậm thanh toán).

Căn cứ khoản 4 Điều 2 của Hợp đồng 10/2023/HĐ-CRL.JUNO ngày 14/7/2023 02 bên đã ký kết với mức lãi suất chậm thanh toán là 0,08%/ngày tương đương 29,5%/năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty J1 thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất chậm trả là 18,25%/năm tương đương 0,05%/ngày. Thấy rằng, do bị đơn vi phạm thời gian trả nợ nên phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả với lãi chậm trả là 0,05%/ngày tương đương 18,25%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc bị đơn Công ty TNHH J phải thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền là 183.379.621đ, trong đó nợ gốc là

151.740.333đ tiền và nợ lãi là 31.639.288đ. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc "Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thủ tục hải quan và dịch vụ vận chuyển nội địa" đối với bị đơn Công ty TNHH J.

Buộc Công ty TNHH J phải thanh toán cho Công ty TNHH T với tổng số tiền là 183.379.621đ (một trăm tám mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 151.740.333đ tiền và nợ lãi là 31.639.288đ. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH J phải chịu 9.168.981đ (chín triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi mốt đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

- Công ty Công ty TNHH T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 4.079.000đ (bốn triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006767 ngày 20/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THA DS huyện. Đức Hòa;
- Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh- Nguyễn Chí Lin **Lê Thị Thùy Trang**